

HÀNG MÃ TRONG ĐỜI SỐNG CƯ DÂN VẠN ĐỒ SÔNG HƯƠNG TÁI ĐỊNH CƯ TẠI THÀNH PHỐ HUẾ

Nguyễn Mạnh Hà

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: manhhakls@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/8/2025; ngày hoàn thành phản biện: 6/9/2025; ngày duyệt đăng: 8/12/2025

TÓM TẮT

Việc sản xuất, sử dụng hàng mã trong những năm gần đây được nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam quan tâm nghiên cứu trên những góc độ: văn hoá, thực hành tôn giáo và giá trị kinh tế... Trong đó, có 2 loại ý kiến chính về việc sử dụng hàng mã: Thứ nhất, việc sử dụng hàng mã là một hủ tục gây lãng phí tiền bạc; gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe nên cần hạn chế/ loại bỏ; Thứ hai, sử dụng hàng mã thể hiện những giá trị nhân văn của người sống đối với người chết, cần bảo tồn các giá trị, không cần thiết phải loại bỏ... Trong bài viết này, với phương pháp tiếp cận liên ngành tác giả góp phần làm rõ thực trạng và biến đổi thực hành liên quan đến hàng mã của cư dân vạn đồ sông Hương trong bối cảnh hội nhập hiện nay, trên cơ sở đó bước đầu đưa ra những gợi ý liên quan đến nhận thức cũng như giải pháp từ vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa: Cư dân vạn đồ sông Hương, hàng mã, tái định cư, Việt Nam.

1. DẪN NHẬP

Việc sử dụng, đốt hàng mã¹ cho những người thân trong gia đình sau khi chết cũng như các vị thần linh đã tồn tại ở nhiều quốc gia như Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn

¹ Hàng mã là những đồ vật gồm: quần áo, tiền bạc, gia súc, cây, thuyền, nhà và đồ dùng trong đời sống thường ngày của cư dân trên sông Hương; tất cả đều được làm bằng giấy và các vật liệu dễ cháy khác để đốt (còn gọi là hóa) hay thả trôi sông sau khi cúng cho người chết để sử dụng dưới Âm phủ. Tại các khu TĐC, người sản xuất và sử dụng đều chia hàng mã ra thành: tiền vàng và đồ mã. Trong đó, tiền vàng là phương tiện trao đổi, đồ mã là các đồ dùng sinh hoạt, vật dụng và phương tiện để đi lại.

Quốc, Việt Nam, Trung Hoa (Đại lục, Đài Bắc) và một số khu vực khác². Hàng mã là những sản phẩm được làm thủ công, đồng thời là hiện vật tôn giáo có những chức năng và giá trị trong đời sống tín ngưỡng của nhiều cộng đồng cư dân sinh sống trên đất liền. Ching Yang và cộng sự khi nghiên cứu về hàng mã của các cộng đồng cư dân trên thế giới được biết đến qua tín ngưỡng dân gian thờ Phúc - Lộc - Thọ ở Đài Loan [3], Mingyuan Zhang dẫn theo phong tục vùng Đông Bắc Trung Quốc cho rằng linh hồn rời khỏi thể xác sau khi con người chết. Những người thân của người chết chủ yếu là con cháu trực hệ sẽ thực hiện một loạt các nghi lễ... Ông đã đề cập đến quyền lực của những người đã chết trong cuộc đấu tranh đốt tiền giấy, vàng mã của người sống ở thành thị Trung Quốc [12]. Gertrud Hüwelmeier cho rằng: lễ cúng giấy vàng mã là một phần của việc an sinh tinh thần và kinh tế, đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các hoạt động tín ngưỡng...[5, tr.294]; Sheng Kuan Chung và Dan Li đã tìm hiểu vàng mã truyền thống Trung Quốc trong đối tượng là học sinh trung học phổ thông, xem đó là nghệ thuật truyền thống trong bối cảnh giáo dục nghệ thuật đa văn hóa, hội nhập để hiểu rõ bản thân và thế giới với những hình ảnh thay đổi đa dạng; đồng thời khám phá sự tương tác đa văn hóa trong sự đối sánh của quá trình toàn cầu hóa [14, tr. 28-35].

Một cách tiếp cận khác với sự phát triển của kỹ thuật số, Yizhou Xu cho rằng: “việc số hóa các thực hành hữu hình và vô hình có thể được hiểu như một câu chuyện ngụ ngôn về sự giao thoa giữa bản thân sự sống và cái chết”[15]...

Ở góc độ khác, Ming-Tsan Hu và cộng sự nhìn nhận đó là sự ô nhiễm môi trường tại các đền thờ ở Đài Loan [11]. Tương tự Anna Kuebel và Nawat Lertsawaengkit nhận thức việc sử dụng hàng mã của cộng đồng Hoa kiều tại Thái Lan trong việc ô nhiễm không khí; đồng thời cần thiết lựa chọn các yếu tố cần bảo tồn trong quá trình thích ứng và hội nhập văn hóa. Trong những năm trở lại đây, phạm vi sản xuất, buôn bán và gửi vàng mã cho người đã khuất đã mở rộng, bao gồm các hình thức mới và tham chiếu đến các phương tiện truyền thông mới [1].

Khi nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng ở các làng quê Việt Nam, theo G.C. Hickey, cúng dường thức ăn và tiền/vàng mã được coi là hành động tỏ lòng thành kính nếu đó là dành cho thần linh hoặc tổ tiên, là hành động từ thiện nếu dành cho ma. Ông cho rằng theo truyền thống ở Việt Nam thì hồn ma là một đối tượng sợ hãi, và nghi lễ được tiến hành chủ yếu nhằm mục đích "xoa dịu những linh hồn lầm lỗi" và "để tránh cơn thịnh nộ của chúng". Sau khi quỳ lạy, họ đốt vàng mã trên bàn thờ. Nghi lễ này được thực hiện bên ngoài ngôi nhà vì sợ rằng, các hồn ma có cơ hội để vào nhà, các linh hồn sai lầm có thể đến gần bàn thờ tổ tiên [6, tr.121-122]. L.Cadière lại quan niệm rằng thần thánh, tổ tiên và ma trong thế giới quan truyền thống của người Việt

² Phạm Hữu Dũng, Mấy suy nghĩ về tục cúng, đốt và rải vàng mã trong “Năm văn hóa, văn minh đô thị 2015”, <http://www.danangcity.gov.vn>.

Nam là những phạm trù khác biệt và nằm trong một hệ thống giá trị thứ bậc cứng nhắc [2, tr. 60-65].

Nghiên cứu về các yếu tố cội nguồn của hàng mã và sử dụng hàng mã của người Việt các tác giả như Heonik Kwon khi tìm hiểu đô la Mỹ (tiền âm phủ) cho rằng việc đốt vàng mã cho các vị thần, tổ tiên và các hồn ma đã trở thành một loại tiền nghi lễ ưu việt ở Việt Nam và tình trạng này có liên quan như thế nào đến việc thay đổi quan hệ chính trị trong thế giới tưởng tượng của người chết [9]? Còn theo Trần Đình Hằng [7], việc sử dụng hàng mã gắn với yếu tố Phật giáo; Đặng Thị Kiều Oanh khi tìm hiểu về vàng mã đã khu biệt vùng Bắc Bộ để giải mã động cơ, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của tục đốt giấy và những dấu hiệu của nó; trong sự tương quan mối quan hệ với các động lực kinh tế, xã hội và văn hóa, cũng như chính sách mỗi quốc gia [13].

Trên góc độ tín ngưỡng về lên đồng, Nguyễn Thị Hiền nhìn nhận cách chữa trị “Bệnh âm” cũng cần có những đồ dâng cúng, lễ vật hàng mã là ma nơ canh (hình nhân) và các đồ hàng mã khác để trừ tà và chữa lành bệnh [8, tr.318].

Trong tâm thức người Việt Nam tồn tại quan niệm “dương sao âm vậy”, tức là khi con người không còn tồn tại trên dương gian, ở cõi âm họ vẫn cần/sử dụng những vật dụng như trước đây. Chính vì vậy, người dân sử dụng hàng mã cho người chết, dưới nhiều hình thức như cúng, đốt/hóa; thả trôi sông³ với nhiều mục đích và lý do khác nhau. Đối với cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương, thành phố Huế họ quan niệm hàng mã là “vật giữa” để “chuyển tải” những niềm tin, thông điệp đến linh hồn người chết và các thần linh thông qua việc thực hành các nghi lễ, tín ngưỡng liên quan đến hàng mã. Mặc dù đã có những biến đổi về nhu cầu, niềm tin nhưng vai trò, giá trị của hàng mã trong thực hành tín ngưỡng và đời sống tâm linh của cư dân vạn đò sông Hương chưa được chú ý nghiên cứu và tìm hiểu. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu hàng mã trong sự thay đổi niềm tin, thực hành tín ngưỡng khi cư dân thay đổi môi trường sống, nghề nghiệp và quan hệ xã hội... Từ đó tìm ra các nguyên nhân, xu hướng của sự thay đổi để đưa ra những hàm ý về vai trò, giá trị của hàng mã trong đời sống tín ngưỡng của cộng đồng trong bối cảnh xã hội hiện nay.

³ Đối với cư dân vạn đò sông Hương thì việc thả trôi sông hàng mã là khá phổ biến từ khi sống trên thuyền đến khi TĐC trên đất liền. Có sự phân biệt giữa sinh kế cư dân liên quan đến sông nước và sinh kế trên đất liền.

2. PHƯƠNG PHÁP, ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phương pháp chuyên ngành Dân tộc học (các nghiên cứu điền dã, diện, điểm), trong bài viết tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành sau:

Thứ nhất: Phỏng vấn trực tiếp các chủ hộ cư dân là người vạn đồ đã định cư để hiểu biết về cách thức sử dụng các loại hàng mã cũng như niềm tin của cư dân trước và sau tái định cư.

Thứ hai: Phỏng vấn những hộ gia đình sản xuất hàng mã, thầy cúng là cư dân vạn đồ.

Thứ ba: Sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, với bảng hỏi gồm 200 phiếu hỏi để thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến niềm tin, thực hành tín ngưỡng thông qua việc sử dụng hàng mã của cư dân.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng trong nghiên cứu này là cộng đồng cư dân vạn đồ sông Hương đã định cư trên đất liền từ năm 1989 đến cuối năm 2010 tại 5 khu TĐC ở các phường, xã: Phước Vĩnh (1989), Kim Long (1995), Phú Hậu (1998), Hương Sơ (2008) và thôn Lại Tân⁴ (2009) xã Phú Mậu thuộc thành phố Huế⁵.

Số lượng người/hộ gia đình: Số lượng thành viên trong hộ gia đình tại các khu TĐC như sau: Phước Vĩnh: 5,3 khẩu/hộ, Kim Long 5,56 khẩu/hộ, Bãi Dâu 5,8 khẩu/hộ, Hương Sơ 5,23 khẩu/hộ và Lại Tân: 7,8 khẩu/hộ. Trung bình số khẩu/hộ tại 5 khu TĐC là: 5,93 khẩu/hộ.

Nghề nghiệp: Nghề nghiệp của các chủ hộ gồm kinh doanh 25,0%, xe thô, thợ nề/thợ sơn, khai thác cát sạn, đánh bắt nuôi trồng thủy sản 45,0%, làm thuê 7,0%, các ngành nghề khác 23,0%.

Trình độ học vấn: Người không đi học chiếm 18,0%; tiểu học 48,0%; trung học cơ sở: 28,75%; trung học phổ thông: 5%; cao đẳng và đại học 0,25 %.

⁴ Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2021), chuyển xã Phú Mậu thuộc huyện Phú Vang thuộc địa giới thành phố Huế.

⁵ Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025. Trên cơ sở Đề án số 401/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp để thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, các khu TĐC trên thuộc phường Thuận Hoá, Kim Long và phường Dương Nỗ.

Tín ngưỡng và tôn giáo: Khảo sát cho biết cư dân tự nhận theo tín ngưỡng đa thần (thờ Mẫu, Bà Thủy, thờ thần bản mệnh, thờ cúng tổ tiên...) chiếm 97,0%, theo Phật giáo chiếm 3,0%.

3. HÀNG MÃ TRONG ĐỜI SỐNG CƯ DÂN VẠN ĐÒ SÔNG HƯƠNG TẠI CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Nghiên cứu về ma thuật và tôn giáo khi nói về điều kiện sống cư dân sông nước và cư dân biển Bronislaw Malinowski lấy dẫn chứng ngư dân Trobriand ở Thái Bình Dương khi đánh cá trong đầm không gặp nhiều nguy hiểm họ không thực hiện các nghi lễ. Ngược lại, khi ra biển đánh cá, độ rủi ro cao hơn, môi trường bất trắc, bấp bênh ngư dân có nhiều nghi lễ phù phép...

Trước đây, sinh hoạt của cư dân vạn đò sông Hương gắn chặt với chiếc thuyền/đò và dòng sông. Thuyền là nhà/phương tiện làm ăn, thuyền để rước bài vị, thuyền để tổ chức lễ hội, thuyền đưa con người về thế giới bên kia⁶. Chính vì vậy, trong bối cảnh thay đổi môi trường sống, biến đổi khí hậu gây lũ lụt và thiên tai ở miền Trung, phát triển đô thị dẫn đến việc cư dân còn nhiều lễ nghi, tín ngưỡng liên quan sử dụng hàng mã là điều tất yếu trong cuộc sống.

3.1. Niềm tin và lý do sử dụng hàng mã

Nghiên cứu của Mingyuan Zhang (2015, tr. 5) cho rằng: *Trong tất cả các nghi lễ cúng cho người chết, đốt tiền giấy là nghi lễ được thực hiện thường xuyên và phổ biến nhất. Tiền giấy được sử dụng như một cách duy nhất mà người sống có thể kết nối với người chết. Việc gửi tiền cho người chết bằng cách đốt tiền giấy vào những ngày thích hợp hàng năm, cũng như số lượng và giá trị của tiền giấy được đốt nhằm tượng trưng cho lòng hiếu thảo của con cháu đối với tổ tiên đã khuất*".

Qua điều tra, phỏng vấn bằng phiếu hỏi, chúng tôi có được số liệu về niềm tin của cư dân trong việc sử dụng hàng mã như sau:

⁶ Cũng như nhiều cộng đồng cư dân Tanka ở Trung Quốc (Dẫn theo <https://cand.com.vn/Muon-mau-cuoc-song/Bo-toc-co-bi-mai-mot-cuoc-song-lenh-den-i423819/>) người Moken ở Miến Điện và Thái Lan là những cư dân sống chủ yếu trên biển, trên những chiếc thuyền nhà gọi là kabang qua nhiều thế hệ. Sự khác biệt người Tanka và Moken là những kẻ "digan trên biển" họ đã định cư trên đất liền do chính sách quản lý của Nhà nước, nguồn tài nguyên khan hiếm; đặc biệt cộng đồng người Moken do biến đổi khí hậu và sóng thần năm 2004 đã buộc họ cư trú trên đất liền. (Dẫn theo <https://edition.cnn.com/travel/article/thailand-tourism-sea-people-moken/index.html>). Truy cập ngày 31/10/2023.

Bảng 1. Niềm tin của cư dân trong việc sử dụng hàng mã trước và sau TĐC.

TT	Khu TĐC	Số phiếu	Trước TĐC			Sau TĐC		
			Tin nhiều	Tin	Không tin	Tin nhiều	Tin	Không tin
1	Phước Vĩnh	40	37	3	0	30	9	1
2	Kim Long	40	38	2	0	35	5	0
3	Bãi Dâu	40	35	5	0	33	6	1
4	Hương Sơ	40	37	3	0	34	5	1
5	Lại Tân	40	38	2	0	35	4	1
Tổng cộng		200	185	15	0	167	29	4

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 7/2019 - 4/2025.

Qua Bảng 1, có thể nhận thấy: Trước TĐC, số hộ gia đình tin nhiều vào giá trị, vai trò của hàng mã trong thực hành tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân chiếm tỷ lệ 100%. Sau TĐC, niềm tin của cư dân đã có sự thay đổi. Số hộ không tin vào hàng mã (do mong muốn, mong ước của họ không thực hiện được...) chiếm tỷ lệ nhỏ - chỉ 2,0% tại khu TĐC Phước Vĩnh, Bãi Dâu, Hương Sơ và Lại Tân. Theo kết quả khảo sát, cư dân vạn đồ sông Hương cảm thấy yên tâm và tự tin khi “gửi” hàng mã cho người âm và các thánh thần trong niềm tin thực hành sử dụng hàng mã của cộng đồng.

Cư dân sử dụng hàng mã với mong muốn thể hiện địa vị xã hội, khả năng kinh tế đồng thời nhận được sự che chở, phù hộ của tổ tiên và các thánh thần. Khi nói về nguồn cội của hàng mã ở Thừa Thiên Huế, Trần Đình Hằng cho rằng: *Thực tế bất hạnh so với chuỗi hành trình bình thường đó, cần được đặc biệt chú trọng trong nghi lễ, để đem lại sự an bình cho cả người ra đi lẫn người ở lại...Những yếu tố này cộng hưởng với tục cúng cô hồn chằm, chợ, mọi, rợ, u linh khô cốt..., làm cho đời sống nghi lễ cúng tế của cư dân thêm phần đa dạng và sâu sắc [7, tr. 96].*

Nhu cầu sử dụng và đốt hàng mã cho tổ tiên và các vị thần linh ở thế giới bên kia bắt nguồn từ lòng thành, đạo lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” vừa thiêng liêng lẫn trần tục nên hàng mã không chỉ là vật dâng cúng mà còn là “vật giữa” để truyền tải niềm tin, thông điệp của cư dân tạo nên ý nghĩa thẩm mỹ, sự tôn nghiêm trong không gian thiêng: Bàn thờ tổ tiên, Trang ông trang bà, Thần bếp, Am/Miếu và lớn hơn nữa là Điện/Phủ...tạo nên “thế giới thực” cho người chủ lễ cũng như người tham dự là thực tế hiện nay của cộng đồng cư dân vạn đồ.

Về lý do sử dụng hàng mã, kết quả khảo sát cho thấy cư dân sử dụng hàng mã nhiều nhất là theo phong tục, tập quán chiếm tỷ lệ 97,5%, mong muốn được phù hộ, độ trì cho cá nhân và gia đình chiếm tỷ lệ 90,0%, đạo lý uống nước nhớ nguồn chiếm tỷ lệ

89,0%, để tinh tà ma quỷ không quấy rối chiếm 75,0%, theo lời thầy Cúng và những người có kinh nghiệm chiếm 70,0%, đối với sở thích của người mất và tâm lý người sống chiếm 50,0 %, cuối cùng là để chữa bệnh⁷, tai qua nạn khỏi chiếm tỷ lệ 40,0%.

3.2. Đối tượng thờ cúng

Về đối tượng thờ cúng, theo quan niệm của cư dân khi người thân qua đời, con cháu cần sử dụng hàng mã để đốt/hóa vàng, thả trôi sông để người chết, tổ tiên, thần linh ở thế giới bên kia nhận được với nhiều lý do khác nhau⁸. Về đối tượng thờ cúng, cư dân thường sử dụng hàng mã cho các đối tượng sau:

Bảng 2. Đối tượng thờ cúng

STT	Đối tượng thờ cúng	Số hộ trả lời		Tỷ lệ %
		Có	Không	
1	Bàn thờ Phật	0	200	0
2	Tổ tiên, người thân đã mất trong dòng họ, gia đình	200	0	100
3	Thờ Mẫu/Bà Thủy	90	110	45,0
4	Thần tài, Tổ nghề ⁹ , liên quan đến ngư cụ, nghề nghiệp...	35	165	17,5
5	Các vong hồn, thần thánh khác (thần bản mệnh...)	160	40	75,0
6	Lễ cầu an trong họ	40	160	20,0
7	Thờ Trung thiên, khuôn viên đất đai (ngoài trời)	130	70	65,0

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 7/2019 - 4/2025

Bảng 2 cho thấy, cư dân thờ cúng tổ tiên, người thân, các vong hồn, thần thánh và Thờ Trung thiên, khuôn viên đất đai (ngoài trời) chiếm tỷ lệ cao nhất là: 100%, 75,0

⁷ Số liệu này khác với những nghiên cứu của Didier Bertrand (1996) và chúng tôi nhận thấy khi cư dân vạ đồ sông Hương bị đau ốm và bệnh tật thường nhờ đến hệ thống thần linh/các Thầy cúng trước khi bệnh trở nên nặng mới chuyển lên bệnh viện hay trạm xá. Đối với nhiều người đánh cá, sinh kế trên sông và sống trên thuyền là một phương tiện sinh tồn chứ không phải bảo tồn văn hóa nên xem rằng thực hành văn hoá như họ là lạc hậu hay mê tín dị đoan. Nhưng đối với cộng đồng cư dân quan niệm trên không chính xác cho đến hiện nay.

⁸ Theo ông Nguyễn Toàn (thầy cúng) đối với người thân trong gia đình chết nước thì phải thả tiền bạc, hàng mã, áo bình xuống dòng sông có như vậy người chết sông, âm hồn loạn lạc mới nhận được. Cư dân thường thả hình nhân thế mạng trên các bè chuối hoặc trên những chiếc thuyền giấy (hàng mã) xuôi về ngã ba sông.

⁹ Tổ nghề của họ hiện nay là thợ nề, thợ mộc hay thợ may khác với những cư dân sinh kế gắn liền với sông nước.

% và 65,0 %. Riêng Thờ Mẫu/ Bà Thủy và Lễ cầu an trong họ và thờ Thần tài, Tổ nghề, liên quan đến ngư nghiệp lần lượt là: 45,0%, 20,0% và 17,5%.

3.3. Thời điểm sử dụng hàng mã

Thời điểm sử dụng hàng mã của cư dân ven đô sông Hương gắn liền với các đối tượng được nhận hàng mã ở thế giới bên kia, ngoài ra còn liên quan phong tục, tập quán và lễ hội, lễ tết truyền thống của cư dân. Cư dân ven đô sông Hương sử dụng diễn ra quanh năm, gắn liền với tín ngưỡng đặc thù của cộng đồng.

Bảng 3. Thời điểm sử dụng hàng mã

STT	Thời điểm sử dụng hàng mã trong năm	Số hộ trả lời		Tỷ lệ %
		Có	Không	
1	Tất niên, ông Công, ông Táo ¹⁰ (23 tháng chạp)	200	0	100
2	Ông bà, tổ tiên, người thân trong dòng họ (hàng năm)	200	0	100
3	Thờ trang ông, trang bà (bản mệnh) 9/1 âm lịch ¹¹	194	6	97
5	Dâng sao giải hạn 15/1 âm lịch	70	130	35
6	Ngày 30, mồng một, ngày rằm hàng tháng	80	120	40
7	Các vị trong Tam phủ, Tứ phủ đạo Mẫu	120	80	60
8	Lễ Vu lan 15/7 âm lịch	195	5	97,5
9	Thu tế vía tháng 3 và tháng 7 âm lịch, Hầu đồng ¹² , mở Phủ, Điện (Vía Mẹ và Cha)	80	120	40

¹⁰ Tập tục thờ Thổ Công hay còn gọi Táo quân, khi ở trên thuyền người dân vẫn có tập tục thờ ông Táo. Họ đặt một bát nhang nhỏ trên đầu bếp để thờ. Với sự thay đổi nơi ở đã làm thay đổi việc thờ ông Táo. Một số nhà đặt bàn thờ ông Táo bên bàn thờ tổ tiên cũng có hương án nhưng đơn giản hơn, chính giữa đặt một bài vị. Người dân cúng ông Táo vào tối ngày rằm, mồng một, mười bốn hàng tháng hoặc những ngày giỗ tết trong năm. Cúng ông Táo hiện nay đơn giản lễ vật gồm hương hoa, trầu nước và ít giấy vàng bạc.

¹¹ Tục thờ trang ông, trang bà là một nét độc đáo của cư dân sau khi lên định cư trên đất liền, trước đây khi sinh sống trên thuyền có rất ít hộ thờ. Lễ cúng trang ông, trang bà được gọi là lễ “cúng bốn mạng”, diễn ra từ ngày 4 đến ngày 16 tháng giêng âm lịch, tập trung chủ yếu vào tối mồng 8-9. Đây là ngày “tiên sư giáng hạ”, lễ vật gồm hoa quả tươi, bánh trái, cau trầu, rượu, một đĩa xôi và cặp bông tre. Những gia đình theo Phật giáo thường “gửi thân mạng” mình cho Quan Âm Bồ Tát thì lễ bốn mạng gồm xôi chè, hoa quả, bánh kẹo và cặp bông tre. Ngoài 60 tuổi thì không cần làm lễ cúng bốn mạng và thờ trang ông, trang bà nữa, người dân làm lễ ra lão, đưa trang, đồ thờ bỏ ở gốc đa, gò miếu, những nơi mà họ đưa đặt ông Táo cũ hàng năm.

¹² Theo Karen Fjelstad và Nguyen Thi Hien, sau năm 1975, kháng chiến chống Mỹ kết thúc, khi người Việt rời bỏ quê hương đi đến nhiều nơi trên thế giới, họ đã mang theo một truyền thống văn

10	Khi ốm đau, gia đình gặp khó khăn, tai ương; chữa bệnh (Tinh tà, Vía xấu...)	120	80	80
11	Lễ chu kỳ đánh bắt liên quan đến Mẫu, Bà Thủy	35	165	17,5
12	Lễ vào nhà mới, thuyền mới (khi xây nhà, đóng thuyền)	180	20	90
13	Am, miếu, các linh hồn không được thờ phụng ¹³	195	5	97,5
14	Khác	20	180	10

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 2/2020 - 4/2025

Từ số liệu Bảng 3, tỷ lệ % hộ gia đình sử dụng vàng mã, chúng ta có thể nhận thấy cư dân sử dụng hàng mã thường xuyên trong Tết nguyên đán, thờ Trang ông - Trang bà (thần bản mệnh), ngày ông Công - ông Táo chiếm tỷ lệ 100%; Lễ Vu Lan, thực hành nghi lễ tại Am /miếu chiếm tỷ lệ 97,5%, Thờ trang ông – trang bà tỷ lệ 97,0%; Rằm tháng giêng, vào nhà mới/thuyền mới chiếm tỷ lệ 95,0%; Cúng đất, bệnh tật, tai ương chiếm tỷ lệ 60,0%; Ngày 30, mùng một hàng tháng và ngày rằm 40,0%, hầu đồng, mở Phủ/Điện (Vía Mẹ và Cha) chiếm tỷ lệ 40,0%; Dâng sao giải hạn chiếm tỷ lệ 35,0%, còn lại các lễ nghi liên quan chu kỳ đánh bắt chiếm tỷ lệ 17,5%, nghi lễ khác chiếm tỷ lệ 10,0% .

Tại các khu TĐC, cư dân thường cúng dâng sao giải hạn nhằm cầu an, cầu siêu,

hóa phong phú, một lịch sử lâu đời và phức tạp, cùng sự pha trộn đồng bộ của các thực hành tôn giáo, trong đó có nghi lễ *lên đồng* . Hiện nay, lên đồng vượt qua nhiều biên giới quốc gia và người Việt thực hành nó ở Hoa Kỳ, Việt Nam, Ý, Pháp và Úc. Những người đồng cốt đã tổ chức các nghi lễ nhập hồn ở Thung lũng Silicon, phía nam San Francisco, Hoa Kỳ.

¹³ Khi sinh sống trên thuyền, cư dân chỉ lập một cái am nhỏ đặt ở mũi thuyền. Việc định cư trên đất liền làm cho không gian sống thay đổi. Cư dân dựng am, có nhà có ba đến bảy am, phổ biến là ba am. Am được đặt ở ngoài trời trước sân nhà. Am phía ngoài thờ Cậu công viên, vị này là người cai quản tại địa phương (trên thuyền không có thờ vị này). Tại khu TĐC cư dân còn thờ Ngoại cang, Ngoại cảnh. Biểu hiện đó là việc thờ các am Cô, am Cậu trước nhà. Nếu nhà hợp mạng, hợp căn với người cai quản nơi đến ở thì gia đình lập thêm một hay hai cái am ở giữa am Cô và am Cậu. Am phía trong thờ Cô là những vong linh của các người trong gia đình bị chết lúc còn nhỏ, những cô gái đồng trinh, người chết oan trong dòng họ ngang hàng với ông bà. Trong am thờ một hay nhiều bát hương, một cốc đựng nước, một cái đĩa để đựng trà, một quả bông nhỏ, một bình hoa, thêm một cây đèn khi cúng để thắp lên. Để phân biệt được am Cô và am Cậu, người ta dựa vào hình dáng và vật dụng thờ; am Cô có thêm gương và lược, am Cậu không có những thứ này...Cư dân tin rằng những người này khi chết gặp giờ linh nên thiêng lắm, họ dễ dàng nhập hồn vào người sống. Trong nhà có trẻ nhỏ nhác chơi hoặc có đau yếu mà thuốc thang chưa khỏi, người ta cho là vì nghịch nên các Cô hay Cậu quở, cha mẹ thường thắp hương vái Cô hay Cậu xá tội cho con mình. Việc cúng các vị này đơn giản thường vào ngày lễ tết, kỵ, những ngày sóc hay ngày vọng. Lễ vật gồm hương hoa, cau, trà, rượu, xôi chè.

cầu duyên...vào những dịp đầu năm; đây cũng là hoạt động phổ biến của cư dân ở Thừa Thiên Huế nói chung và cư dân vạn đò trên sông Hương nói riêng. Theo quan niệm cư dân, năm âm lịch bản mệnh mỗi cá nhân sẽ chịu tác động hay bị chi phối những sự kiện tốt hay xấu mà dân gian thường gọi là sao hay hạn¹⁴.

3.4. Các loại hàng mã và giá thành

3.4.1. Các loại hàng mã

Qua khảo sát các loại hàng mã chúng tôi có thể nhận thấy các loại hàng mã được cư dân sử dụng như sau:

Bảng 4. Các loại hàng mã

STT	Hàng mã	Số hộ	Tỷ lệ %
1	Tiền, vàng, áo binh	200	100
2	Động sơn trang, thuyền, voi, ngựa, ông Lốt, xe ô tô, xe máy, hình nhân, các loại xe	140	70,0
3	Quần áo, mũ nón, đồ trang sức, phụ kiện (nam/nữ)	200	100
4	Thiết bị tủ lạnh, ti vi, điện thoại Nokia, Samsung, Ipad, Honda	20	10,0
5	Các loại cá (Ngài), rắn, rùa... (liên quan sông nước)	35	17,5

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 7/2019 - 7/2024

Khi sống trên thuyền, cư dân đặt một bàn thờ tổ tiên trong khoang giữa bên lái (bên phải) trên thuyền để thờ cúng ông bà, cha mẹ. Trên bàn thờ có lư hương và các đồ thờ tự như đèn, hoa. Định cư trên đất liền, cư dân đặt bàn thờ tổ tiên tại nơi trang trọng, gắn liền việc thực hành các nghi lễ trong năm; ngoài ra, do quan niệm truyền thống và ảnh hưởng sinh kế nên cư dân thờ Mẫu/Bà Thủy, thờ thần đất (cúng đất), thờ thần bản mệnh làm cho đối tượng được thờ cúng phong phú về số lượng hàng mã và đa dạng về mẫu mã.

Các loại hàng mã cư dân thường sử dụng đa dạng về hình thức, liên quan nghề nghiệp sông nước của cư dân trong đó tiền, vàng mã được người dân sử dụng phổ biến nhất, hiện diện trong tất cả các nghi lễ liên tại các Am, Miếu, Phủ, Điện¹⁵ và chiếm

¹⁴ Theo quan niệm của cư dân thì sao Thái Dương tốt cho nam nhưng không tốt cho phụ nữ; sao Mộc Đức tốt cho cả nam và nữ; sao Thái Bạch là rất xấu, sao Kế Đô mang tin xấu đến cho người phụ nữ; sao La Hầu đem tin xấu cho nam giới.

¹⁵ Trường hợp ông Nguyễn Văn Thương làm Thầy cúng tại khu TĐC Kim Long. Hiện nay cư dân vạn đò vẫn thường đến Điện tại gia của ông để cúng tế mong cho gia đình và cá nhân họ không ốm đau, tai ương, chữa bệnh quan sát ở trẻ em hay những người chết yếu...; lễ vật luôn là hàng mã và tiền.

tỷ lệ 100%. Tiếp theo gồm quần áo, mũ nón, đồ trang sức cũng chiếm tỷ lệ 100%. Liên quan đến nghề nghiệp có động sơn trang, thuyền, voi, ngựa, ông Lốt, hình nhân, các loại xe (được sử dụng trong các nghi lễ vào nhà mới, lễ hầu đồng, hầu bóng¹⁶...

Điều này cũng được Kwon đề nhận định khi nghiên cứu về hình thức tiền và đô la âm phủ tại Việt Nam: Bên cạnh vai trò trung gian giữa thế giới xã hội, tự nhiên và siêu nhiên, tiền giấy còn là một tác nhân có thể đại diện cho sự thay đổi xã hội. Các hình thức tiền giấy mới như tiền vàng làm từ giấy, bản sao của đồng tiền Việt Nam và đô la Mỹ, cùng với các hình thức nghĩa địa và hàng mã thờ tổ tiên đều là những biểu tượng thể hiện tính hiện đại, giao thoa văn hoá tín ngưỡng của người Việt Nam [9, tr.75].

3.4.2. Giá các loại hàng mã

Qua điều tra khảo sát các hộ gia đình cư dân vạ đồ sông Hương sản xuất hàng mã giá hàng mã như sau:

Bảng 5. Giá thành các loại hàng mã

STT	Các loại hàng mã	Số tiền
1	Tiền, vàng, bạc, áo binh	100 tờ giấy vàng bạc tiền đô 5.000 đồng, 100 thỏi vàng giá 30.000 đồng, 100 áo binh cô hồn giá 60.000 đồng
2	Động sơn trang	600.000 đồng
3	Bộ áo quần (mũ nón, đồ trang sức phụ nữ và phụ kiện cho đàn ông)	60.000 đồng
4	Thuyền, voi, ngựa, ông Lốt, hình nhân	Thuyền 350.000 đồng, Voi, ông Lốt, ngựa từ 500.000 đến 2 triệu đồng, hình nhân từ 10 ngàn đến 80 ngàn (tùy kích cỡ)
5	Cây đại thọ, Ti vi, Iphone và Ipad, Hon da, Xe đạp, Nhà	Cây đại thọ 200.000 đồng, ti vi 60.000 đồng, Iphone, Ipad 30.000 đồng, hon da 1 triệu, xe đạp 300.000 đồng, nhà 1 tầng 100.000 đồng, nhà 2 tầng 200.000 đồng

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 7/2019 - 7/2024

¹⁶ Theo ông Nguyễn Văn Chí, khu TĐC Lại Tân và ông Trần Văn Toàn, khu TĐC Kim Long là những người thủ am; làm thầy cúng, đồng thời gia đình hai ông đều tham gia sản xuất hàng mã cho biết: “Trước đây cư dân sử dụng hàng mã phổ biến là tiền, vàng mã, áo binh, động Sơn trang, thuyền, hình nhân...Hiện nay cư dân còn đặt ti vi, điện thoại, Ipad và cả xe Honda, ô tô và nhà. Xu hướng cư dân vừa dùng hàng mã truyền thống vừa dùng thêm các phương tiện nghe nhìn hiện đại thể hiện rõ nét thế giới của người sống”.

Như vậy, giá các loại hàng mã từ vài chục ngàn đến 2 triệu đồng cho mỗi sản phẩm. Số tiền mỗi hộ gia đình sử dụng hàng mã phụ thuộc vào các nghi lễ, đối tượng cũng như yêu cầu của thầy cúng trong năm. Đây là một khoản chi phí khá lớn cho các hộ gia đình nhất là các hộ gia đình cư dân vạn đò sông Hương xét trên góc độ kinh tế.

3.5. Kinh phí sử dụng hàng mã trong năm

Bảng 6. Số tiền hàng mã của các hộ gia đình tại các khu TĐC (năm 2019 đến năm 2022)

STT	Khu TĐC	Số phiếu	Số tiền chi trả					
			0,2 – 0,5	0,5 - 1	1 - 1,5	1,5 - 2	2 - 3	3 - 5
1	Phước Vĩnh	40	32	4	2	2	0	0
2	Kim Long	40	25	2	3	3	5	2
3	Bãi Dâu (Phú Hậu)	40	30	5	5	0	0	0
4	Hương Sơ	40	32	5	2	1	0	0
5	Lại Tân	40	22	3	5	3	5	2
Tổng cộng		200	141	19	17	9	10	4

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 7/2019 - 6/2022, ĐVT: Triệu đồng

Bảng 6 cho thấy, số tiền cư dân sử dụng hàng mã trong năm có sự chênh lệch tại các hộ gia đình, cư dân chi từ 0,2 đến 1 triệu đồng/năm chiếm 80% tổng số hộ gia đình tại các khu TĐC; mức chi từ 1 triệu đến 2 triệu đồng/năm chiếm 13%, mức chi từ 2 triệu đến 5 triệu đồng/năm chiếm 7,0% với 14 hộ tại 02 khu TĐC Kim Long và Lại Tân nơi chỉ có các hộ khai thác cát sạn, thuyền du lịch và nuôi cá lồng, sinh kế gắn liền sông nước¹⁷. Điều này cũng lý giải những cư dân còn làm các nghề sông nước thì niềm tin của họ lớn và không thay đổi nhiều sau thời gian TĐC trên đất liền.

Mặc dù, còn rất nhiều cộng đồng cư dân trên thế giới vẫn thực hành tín ngưỡng liên quan đến hàng mã trong tín ngưỡng dân gian, trong tôn giáo...; tuy nhiên để hiểu biết, nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa, giá trị của hàng mã trong đời sống tâm linh và những hủ tục của nó theo thời gian sẽ còn là những tranh luận chưa có hồi kết trên bình diện cộng đồng, dân tộc và thế giới.

¹⁷ Trên thực tế, cư dân tham gia lễ tháng 3 và tháng 7 mỗi hộ đóng góp từ 10 đến 20 triệu đồng. Điều này lý giải sinh kế cư dân liên quan đến sông nước (đánh bắt cá tôm, nuôi cá lồng, thuyền du lịch và khai thác cát sạn...) niềm tin của cư dân là rất lớn, họ chi một khoản tiền lớn để mua và đốt hàng mã để mong buôn bán, làm ăn thuận lợi.

4. KẾT LUẬN

1. Vấn đề sử dụng và đốt hàng mã không chỉ là vấn đề của cộng đồng cư dân vạn đồ TĐC ở Việt Nam, mà còn là sự thực hành tín ngưỡng của nhiều cộng đồng cư dân các nước ở khu vực Đông Nam Á, Châu Á và cộng đồng cư dân trên thế giới. Trên góc độ thực hành tín ngưỡng vẫn còn những quan niệm không đồng nhất và việc thay đổi thái độ, hành vi mang tính tích cực cần có thời gian cùng sự quản lý tối ưu việc sản xuất và sử dụng hàng mã. Đây là một trong những vấn đề khó khăn cho các nhà nghiên cứu và quản lý văn hoá xét về mặt khoa học cũng như thực tiễn (liên quan đến đề xuất các giải pháp và thực hiện các giải pháp).

2. Hệ thống các nghi lễ cá nhân và cộng đồng của cư dân vạn đồ sông Hương chịu sự tác động các hệ giá trị xã hội đương đại: đạo lý (tâm lý, tình cảm), pháp lý (quy định, quản lý) và xu hướng truyền thông kỹ thuật số về tôn giáo, tín ngưỡng của các cộng đồng cư dân trong bối cảnh toàn cầu hoá đều liên quan ít nhiều đến việc sử dụng hàng mã. Chính vì vậy, cần có những điều chỉnh, hoàn thiện các quy định, văn bản nhà nước và chính quyền địa phương; đồng thời thực thi nghiêm túc các quy định về pháp lý liên quan xử phạt hành chính các vi phạm của các cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực văn hoá¹⁸... cũng như hạn chế sản xuất, sử dụng và hoá vàng tại nơi công cộng và khu dân cư là điều cần thiết.

3. Nâng cao nhận thức của người dân trong thực hành tín ngưỡng và sử dụng hàng mã thông qua vai trò tổ trưởng tổ dân phố, thầy Cúng¹⁹ nhằm tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân xây dựng lối sống văn minh; bảo đảm tính tôn nghiêm, thành kính mang đậm bản sắc văn dân tộc trong việc tổ chức các lễ nghi cá nhân, gia đình, cộng đồng nhưng không lãng phí, ảnh hưởng môi trường trong bối cảnh xã hội đương đại.

¹⁸ Nghị định 158 ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo (Tại Điều 15, khoản 1 có ghi rõ: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đốt vàng mã không đúng nơi quy định tại nơi tổ chức lễ hội, di tích lịch sử - văn hóa.

Quyết định số 6113/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Huế về việc ban hành Quy định về đốt và rải vàng mã trên địa bàn thành phố Huế. Trong 3 năm triển khai quy định về đốt và rải vàng mã trên địa bàn thành phố (2016 - 2019), Công an Thành phố Huế đã lập biên bản vi phạm hành chính với 24 trường hợp đốt, rải vàng mã khi đưa tang và rải vàng mã xuống đường, sông, ao hồ, xử phạt 9 trường hợp với 8.550.000 đồng, trong đó xử phạt 02 trường hợp rải vàng mã khi đưa tang với số tiền 2.000.000 đồng, 7 trường hợp đốt, rải vàng mã không đúng quy định với số tiền 6.550.000 đồng.

¹⁹ Xem thêm Nguyễn Mạnh Hà (2020), *Vai trò các Thầy cúng của cư dân vạn đồ sông Hương ở Thừa Thiên Huế: Truyền thống và biến đổi*. Tạp chí Khoa học Đại học Huế - Khoa học Xã hội Nhân văn, số 129, 6D, tr.119-129.

4. Cần có những nghiên cứu liên ngành từ góc độ Nhân học tôn giáo, Kinh tế học, Văn hoá học, Quản lý văn hoá về hàng mã để đánh giá, nhận diện khách quan, khoa học trong đời sống tâm linh cư dân vạn đò sông Hương và thực hành hàng mã ở các cộng đồng cư dân khác nhau ở Việt Nam; cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (Đức, Nga, Mỹ) hay cư dân khu vực Châu Á (lãnh thổ Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan)... nhằm sàng lọc những giá trị cần bảo tồn, phát huy hay nên loại bỏ việc sử dụng hàng mã trong quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa và xã hội của các cộng đồng cư dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Anna Kuebel, Nawat Lertsawaengkit (2021), *Joss Paper and Air Pollution Awareness*, Journal of the Faculty of Arts, Silpakorn University Volume 43: Issue 2, pp.176-186.
- [2]. Cadière, L. (1967), *Croyances et pratiques des vietnamiens*, vol. II. Paris:École Franchise D'Extreme - Orient.
- [3]. Ching Yang, Tsai-Ching Tsai and Ming-Chuen Chuang (2016), *A morphological analysis of Joss paper image in Taiwan - A case study of Fu Lu Shou*, Journal of Languages and Culture, Vol.7(2), pp. 10-17.
- [4]. Didier Bertrand (1996), *The Thay: Masters in Huế Vietnam*, *Asian Folklore Studies*, Volume 55, pg 271 - 286.
- [5]. Gertrud Huwelmeier (2016), *Cell phones for the spirits: ancestor worship and ritual economies in Vietnam and its diasporas*, *Material Religion*, 12:3, pp.294-321.
a. DOI: 10.1080/17432200.2016.1192149
- [6]. G.C. Hickey (1964), *Village in Vietnam*, Asia. Yale University Press. 325pp.
- [7]. Trần Đình Hằng (2017), *Các yếu tố nguồn cội của vàng mã*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 2 (140), tr. 93-101.
- [8]. Nguyễn Thị Hiền (2008), *Yin Illness, Its Diagnosis and Healing within Lên Đồng (Spirit Possession) Rituals of the Việt*, *Asian Ethnology* Volume 67, Number 2, pp.305-321.
- [9]. Heonik Kwon (2007), *The Dollatization of Vietnamese Ghost Money*, *The Journal of the Royal Anthropological Institute*, Vol. 13, No. 1, pp. 73-90.
- [10]. Karen Fjelstad, Nguyen Thi Hien (2006), *Possessed by the Spirits: Mediumship in Contemporary Vietnamese Communities*, Cornell Southeast Asia Program.
- [11]. Ming-Tsan Hu, Shui-Jen Chen, Yi-Chieh Lai, Kuo-Lin Huang, Guo-Ping Chang-Chien, Jen-Hsiung Tsai (2009), *Characteristics of Polychlorinated Dibenzo-p-dioxins/Dibenzofuran from Joss Paper Burned in Taiwanese Temples*, *Aerosol and Air Quality Research*, 9: pp. 369-377, DOI: 10.4209/aaqr.2009.01.0006.
- [12]. Mingyuan, Zhang (2015), *Powers of the Dead: Struggles over Paper Money Burning in Urban China* Tote, *The University of Western Ontario Journal of Anthropology*: Vol. 23: Iss. 1, Article 2.pp. 2-9.

- [13]. Dang Thi Kieu Oanh (2021), *The Habit of Burning Votive Paper (Offerings) of the Northern Vietnamese*, Journal of University of Shanghai for Science and Technology, Volume 23, Issue 6, pp. 622-632.
- [14]. Sheng Kuan Chung & Dan Li (2017), *An Artistic and Spiritual Exploration of Chinese Joss Paper*, Art Education, 70:6, pp. 28-35, DOI: 10.1080/00043125.2017.1361770
- [15]. Yizhou Xu (2021), *Digitizing death: commodification of joss paper on Chinese online cemetery*, Journal of Cultural Economy, pp. 151 -167. DOI: 10.1080/17530350.2021.1952099.

JOSS PAPER OFFERINGS IN THE LIFE OF THE RESETTLED HUONG RIVER SAMPAN-DWELLING COMMUNITY OF HUE

Nguyen Manh Ha

University of Sciences, Hue University

Email: manhhakls@gmail.com

ABSTRACT

In recent years, the production and use of joss paper offerings has attracted considerable scholarly attention from domestic as well as international scholars, who have examined the custom through a variety of lenses, including cultural, religious, economic, and environmental perspectives, and economic significance. The first regards joss paper offerings as a wasteful custom that causes financial loss, environmental pollution, and health risks, and therefore should be restricted or abolished. The other perspective represents a cultural preservation stance, where paper offerings embody expressions of reverence and care for the deceased and deities, intrinsically linked to traditional culture. This view advocates preserving the custom's cultural essence while restricting public practice, rather than outright abolition. Drawing on archival sources and fieldwork conducted from July 2019 to April 2025 across five resettlement areas for the sampan-dwelling community of the Huong River in Hue, this work sheds light on the current state and transformations of paper-offering rituals among this community in the context of contemporary integration following resettlement.

Keywords: Hue City, Huong River Sampan-dwellers, Joss paper offerings, resettlement.



Nguyễn Mạnh Hà sinh ngày 29/12/1974. Năm 1996, ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 1999, ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2022, ông tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay, ông làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Dân tộc học - Nhân học.